

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-7-2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Loan
2. Ông Trần Quốc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Việt Xô. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp 10A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin vắng)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp 10A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin vắng)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020, bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1991, Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Q tổ chức lễ cưới, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời. Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Lê Thị L yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Q có 03 con chung, Nguyễn Duy T, sinh năm 1992, Nguyễn Vũ H, sinh năm 1994, Nguyễn Thành H, sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 19 tháng 6 năm 2020, ông Nguyễn Văn Q thống nhất với nguyên đơn về việc xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn, ông Nguyễn Văn Q cho rằng nguyên nhân xuất phát từ việc bà Lê Thị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông Nguyễn Văn Q đồng ý ly hôn với bà Lê Thị L. Về con chung, các con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Q là tranh chấp về ly hôn, bị đơn là ông Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Q, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Q theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1991, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Về nguyên nhân mâu thuẫn tuy bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Q trình bày khác nhau nhưng cho thấy rằng bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Q có mâu thuẫn trong cuộc sống, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị L ly hôn với ông Nguyễn Văn Q là có căn cứ.

[3] Về con chung: Đã thành niên, không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu, không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Lê Thị L phải chịu 300.000đồng. Ngày 15 tháng 6 năm 2020, bà Lê Thị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0003863 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Bùi Thị Huệ**